TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85 /2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26 – 12 - 2024
V/v Ly hôn;

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Đình Tâm; ông Quách Hà Vính

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa không tham gia phiên toà;

Ngày 26 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 111/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 59/2024/QĐST- HNGĐ ngày 13/12/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị V, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện T, Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Trương Công M (Trương Văn M1), sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn Y, xã T, huyện T,Thanh Hóa.

Tại phiên toà vắng mặt chị V và anh M1 (Chị V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh M1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/08/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Bùi Thị V trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Trương Công M kết hôn tự nguyện được hai bên tổ chức theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn vào ngày 25/04/2015 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 02 năm thì bắt

đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh M không chịu làm ăn, thường xuyên rượi chè dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã. Chị và anh M đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Đến nay chị xét thấy tình cảm vợ, chồng không còn, hạnh phúc đã thật sự tan vỡ nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trương Công M.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 18/10/2024 của bị đơn là anh Trương Công M trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị V qua quá trình tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 25/04/2015. Sau khi cưới vợ, chồng chung sống hòa thuận được khoảng 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do anh và chị V tính tình không hòa hợp, không cùng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ. Trước khi kết hôn, chị V đã có gia đình riêng nên được bố mẹ đẻ cho nhà riêng. Chị V muốn anh về nhà chị V ở nên anh đồng ý. Năm 2019 đến năm 2021, anh vắng nhà 2 năm khi trở về thì cuộc sống có nhiều bất đồng quan điểm nên anh đã về nhà riêng ở T để ở. Từ năm 2021 đến nay, nhiều lần anh đã lên nhà chị V để vợ chồng nói chuyện lại với nhau tuy nhiên anh không gặp được chị V nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, chưa đến mức phải ly hôn. Anh M vẫn muốn chị V quay về để đoàn tụ hàn gắn tình cảm để cùng nhau xây dựng tổ ấm gia đình.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản và công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Thị V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn đối với anh Trương Công M (Trương Văn M1). Anh M1 cư trú tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Nên xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh M1 vắng mặt không có lí do, nên tòa án đã tiến hành mở phiên họp vắng mặt anh M1 và thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp

tiếp cận công khai chứng cứ cho anh M1 theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Anh M1 cũng đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Anh M1 cũng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Chị Bùi Thị V có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, tòa án xét xử vắng mặt chị V và anh M1.

[2] Về hôn nhân: Chị V và anh M1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 25/04/2015 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng chỉ chung sống được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ, chồng thường xuyên bất hòa. Chị V và anh M1 đã sống ly thân từ năm 2021 không ai quan tâm đến ai. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị V được ly hôn với anh M1 là phù hợp.

[3] Về con chung: Vợ, chồng không có con chung chị V và anh M1 không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản: Chị V và anh M1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị V đã nộp tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Thạch Thành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị V được ly hôn anh Trương Công M (Trương Văn M1).

2. Về án phí: Chị Bùi Thị V phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) chị V đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số 0002392 ngày 10/10/2024. Chị Bùi Thị V đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt các đương sự. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã Thạch Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa

Bùi Văn Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Nguyễn Thị Thanh Thủy **Bùi Thị Bích Thủy** **Bùi Văn Hải**